

Bản án số: 67/2021/DS-ST

Ngày 10-5-2021

V/v “tranh chấp chia di sản thừa kế  
quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên

Trong các ngày 07 và 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Minh C, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Kiều T; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Minh D; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trịnh Ánh X; địa chỉ: Ấp TL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Trịnh Minh G; địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Trịnh Văn C; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Trịnh Hoàng M; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Trịnh Hoài T (Trịnh Văn T); địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Trịnh Minh K; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
8. Bà Đoàn Thị Kim B; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
9. Bà Phạm Thị M; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
10. Chị Trịnh Mộng C; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
11. Anh Trịnh Ngọc C; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
12. Bà Đoái Thanh T; địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
13. Chị Trịnh Mộng N; địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
14. Anh Trịnh Hoài T; địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
15. Bà Võ Hồng E; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
16. Anh Trịnh Tuấn D; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
17. Anh Trịnh Phúc N; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
18. Ông Trần Văn K; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
19. Chị Trần Thiên K; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
20. Anh Trần Duy K; địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên Tòa, ông C, bà X, ông C, ông M. ông T và ông K có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ông Trịnh Minh C trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông nội cho lại cha mẹ cụ Trịnh Văn B, cụ Tô Thị T có diện tích 64.580m<sup>2</sup>, tại ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Cụ B và cụ T có 08 người con gồm: Ông Trịnh Hoài T, ông Trịnh Hoàng M, ông Trịnh Văn C, ông Trịnh Minh G, bà Trịnh Ánh X, ông Trịnh Minh C, bà Trịnh Kiều T và ông Trịnh Minh D. Khi cụ B và cụ T còn sống, hai cụ có lập bản di chúc ngày 16/6/2007, phân chia đất cho tất cả các con, trong đó ông và ông D mỗi người 06 công, đồng thời ông và ông D được hưởng thêm 22 công và căn nhà.

Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2020, ông yêu cầu chia thừa kế theo di chúc phần đất của cha mẹ để lại, cho ông được hưởng ½ trên 22 công đất và căn nhà trên đất, đất có các hướng tiếp giáp như sau: Hướng Đông giáp đất bà N; hướng Tây giáp đất ông Q; hướng Nam giáp đất ông H; hướng Bắc giáp sông KNH.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/9/2020, ông yêu cầu phân chia thêm 06 công đất theo nội dung di chúc ngày 16/6/2007.

Ngoài ra, năm 2020 ông đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất yêu cầu chia thừa kế cho ông Trịnh Minh K và bà Đoàn Thị Kim B với giá 60.000.000 đồng/công, ông đã nhận 305.000.000đ.

*Bà Trịnh Kiều T trình bày:* Bà không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của

ông C, hiện tại bà đang thuê đất của ông Trịnh Minh D diện tích 18 công, với giá 15.000.000 đồng/năm, không có thời hạn nhưng có thỏa thuận khi nào ông D cần lấy lại thì trả lại đất.

*Ông Trịnh Hoàng M trình bày:* Ông yêu cầu hưởng 5,5 công theo di chúc, 03 công mua của ông T, 03 công mua của bà X và được cụ B, cụ T cho thêm 0,5 công. Ông yêu cầu phân chia phần đất tổng diện tích 12 công.

*Ông Trịnh Hoài T trình bày:* Ông yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu phân chia thừa kế theo di chúc của ông C và ông M, không đặt ra tranh chấp liên quan đến phần đất ông C và ông M yêu cầu.

*Bà Trịnh Ánh X trình bày:* Bà yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông C và ông M, không đặt ra tranh chấp liên quan đến phần đất ông C và ông M yêu cầu. Trước đây, bà đã chuyển nhượng cho ông M phần đất cụ B và cụ T đã cho với giá 03 chỉ vàng 24k nên yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa bà với ông M đối với phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 3.077,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 165, tờ bản đồ số 21 tọa lạc ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên Tòa,

*Ông Trịnh Minh C trình bày:* Ông yêu cầu phân chia thừa kế theo di chúc phần đất do cụ B đứng tên diện tích theo đo đạc thực tế 17.855,3m<sup>2</sup>, cụ thể gồm hai phần đất sau: Phần đất thứ nhất diện tích 2.323,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 165, tờ bản đồ số 21 có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng; hướng Tây giáp đất ông Trịnh Minh D quản lý, sử dụng; hướng Nam giáp đất ông Trịnh Minh C quản lý, sử dụng; hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Quốc H và ông Huỳnh T. Phần đất thứ hai diện tích 15.532,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 200, thửa 256, tờ bản đồ số 21 có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng; hướng Tây giáp đất ông Trịnh Minh D quản lý, sử dụng, hướng Nam giáp KNH, hướng Bắc giáp đất ông Trịnh Minh C quản lý, sử dụng.

*Ông Trịnh Hoàng M trình bày:* Ông yêu cầu phân chia thừa kế theo di chúc phần đất diện tích 6.705,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 256, tờ bản đồ số 21 có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Trịnh Văn G quản lý, sử dụng; hướng Tây giáp đất ông Trịnh Minh C quản lý, sử dụng; hướng Nam và hướng Bắc giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng và yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà X phần đất diện tích 3.077,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 165, tờ bản đồ số 21 có tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng; hướng Tây giáp đất ông Trịnh Minh C quản lý, sử dụng; hướng Nam giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng; hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh T.

*Ông Trịnh Hoài T trình bày:* Ông yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu phân chia thừa kế theo di chúc của ông C và ông M, không đặt ra tranh chấp liên quan đến phần đất ông C và ông M yêu cầu. Ông không yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế di sản của cụ B và cụ T.

*Ông Trịnh Hoài T, ông Trịnh Văn C trình bày:* Các ông yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu phân chia thừa kế theo di chúc của ông C và ông M, không đặt ra tranh chấp liên quan đến phần đất ông C và ông M yêu cầu. Ông C không yêu cầu Tòa án phân chia phần đất theo di chúc của cụ B và cụ T.

*Bà Trịnh Ánh X trình bày:* Bà không yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế di sản của cụ B, cụ T và yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa bà với ông M đối với phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 3.077,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 165, tờ bản đồ số 21 tọa lạc ấp TH, xã TT, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

*Ông Trịnh Minh K trình bày:* Ông yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phân chia thừa kế của ông C phần đất diện tích 17.855,3m<sup>2</sup>, ông M phần đất diện tích 6.705,0m<sup>2</sup> và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M với bà X phần đất diện tích 3.077,0m<sup>2</sup>. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, ông Trịnh Minh D, ông Trịnh Minh G, bà Đoàn Thị Kim B, bà Phạm Thị M, chị Trịnh Mộng C, anh Trịnh Ngọc C, bà Đoái Thanh T, chị Trịnh Mộng N, anh Trịnh Hoài T, bà Võ Hồng E, anh Trịnh Tuấn D, anh Trịnh Phúc N, ông Trần Văn K, chị Trần Thiên K và anh Trần Duy K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Minh D, ông Trịnh Minh G, bà Đoàn Thị Kim B, bà Phạm Thị M, chị Trịnh Mộng C, anh Trịnh Ngọc C, bà Đoái Thanh T, chị Trịnh Mộng N, anh Trịnh Hoài T, bà Võ Hồng E, anh Trịnh Tuấn D, anh Trịnh Phúc N, ông Trần Văn K, chị Trần Thiên K và anh Trần Duy K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu phân chia thừa kế theo di chúc của ông C và ông M thấy rằng: Cụ B và cụ T có 08 người con gồm: Ông Trịnh Hoài T, ông Trịnh Hoàng M, ông Trịnh Văn C, ông Trịnh Minh G, bà Trịnh Ánh X, ông Trịnh Minh C, bà Trịnh Kiều T và ông Trịnh Minh D. Khi còn sống, hai cụ có phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 64.906,8m<sup>2</sup> thuộc các thửa 165, 200 và 256 tờ bản đồ số 21 tọa lạc ấp TH, xã TT, huyện DD, tỉnh Cà Mau. Cụ B chết năm 2007, cụ T chết năm 2016 có

để lại di chúc. Theo bản di chúc của cụ B và cụ T phân chia cho: Ông T 5,5 công, ông M 5,5 công, ông C 5,5 công, còn 1,5 công sang cho ông M và ông C, ông G, ông C và ông M mỗi người 06 công, bà X 02 công, phần còn lại 22 công và 01 căn nhà cho ông C và ông D. Theo tờ di chúc của cụ T ngày 09/11/2012 cụ T phân chia cho: Ông C 10 công công với 06 công tờ di chúc trên là 16 công, ông D 10 công công với 06 công tờ di chúc trên là 16 công và 01 căn nhà. Thấy rằng, phần đất cụ B, cụ T định đoạt là tài sản chung của hai cụ, việc hai cụ lập di chúc chia cho các con là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 648, Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2005. Ông C, bà T, ông M, bà X, ông C và ông T đều thừa nhận trước khi chết hai cụ có lập di chúc, không đặt ra tranh chấp đối với phần đất ông C và ông M yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, trên thực tế, các con của hai cụ dựa trên nội dung di chúc đã thỏa thuận thống nhất phân chia, các phần đất đã có bờ ranh cụ thể.

Xét yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông M với bà X thấy rằng: Theo ông M, bà X đều thống nhất khi cụ B và cụ T còn sống có cho bà X phần đất diện tích  $3.077,0m^2$ , sau khi được cho bà X canh tác một thời gian thì chuyển nhượng cho ông M với giá 03 chỉ vàng 24k, hai bên đã giao nhận vàng và đất. Thấy rằng việc chuyển nhượng đất giữa ông M với bà X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và tại phiên tòa hai bên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C. Phân chia cho ông C được hưởng phần đất diện tích  $17.855,3m^2$ . Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông M. Phân chia cho ông M được hưởng phần đất diện tích  $6.705,0m^2$ . Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà Ánh X đối với phần đất diện tích  $3.077,0m^2$ .

[3] Ông Trịnh Minh D, ông Trịnh Minh G và ông Trịnh Minh C không yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế theo di chúc của cụ B, cụ T. Ông Trịnh Minh C, ông Trịnh Minh K và Đoàn Thị Kim B không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C với ông K, bà B nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật

[4] Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông M tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật nên phải chịu 300.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông C phải chịu trên giá trị tài sản được hưởng  $17.855,3m^2 \times 40.000đ/m^2 = 714.212.000đ$ :  $20.000.000đ + 314.212.000đ \times 4\% = 32.568.480đ$ . Ông Minh phải chịu trên giá trị tài sản được hưởng  $6.705,0m^2 \times 40.000đ/m^2 = 268.200.000đ$ :  $268.200.000đ \times 5\% = 13.410.000đ$ .

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông C phải chịu 14.000.000đ, đã nộp tạm ứng 3.000.000đ, còn phải nộp 11.000.000đ. Ông M phải chịu 7.000.000đ, đã nộp tạm ứng 18.000.000đ được nhận lại 11.000.000đ từ ông C. Ông C phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Minh 11.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 652, Điều 663, Điều 697 và Điều 698 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **1. Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia di sản thừa kế của ông Trịnh Minh C.

+ Phân chia cho ông Trịnh Minh C được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ B và cụ T đối với các phần đất sau:

Phần đất thứ nhất diện tích 2.323,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 165, tờ bản đồ số 21 tọa lạc ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng điểm M2M3 dài 91,10m; hướng Tây giáp đất ông Trịnh Minh D quản lý, sử dụng điểm M14M1 dài 91,27m; hướng Nam giáp đất ông Trịnh Minh C quản lý, sử dụng điểm M14M3 dài 25,85m; hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Quốc H và ông Huỳnh T điểm M1M2 dài 25,11m.

Phần đất thứ hai diện tích 15.532,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 200, thửa 256, tờ bản đồ số 21 tọa lạc ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng điểm M4M5 dài 417,29m, điểm M5M6 dài 110,50m; hướng Tây giáp đất ông Trịnh Minh D quản lý, sử dụng điểm M7M8 dài 50,04m, điểm M8M9 dài 6,69m, điểm M9M10 dài 60,23m, điểm M10M11 dài 174,25m, điểm M11M12 dài 12,40m, điểm M12M13 dài 229,82m; hướng Nam giáp KNH điểm M6M7 dài 28,18m, hướng Bắc giáp đất ông Trịnh Minh C quản lý, sử dụng điểm M13M4 dài 26,52m.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trịnh Hoàng M.

+ Phân chia cho ông Trịnh Hoàng M được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ B và cụ T đối với phần đất diện tích 6.705,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 256, tờ bản đồ số 21 tọa lạc ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Trịnh Văn G quản lý, sử dụng điểm M6M7 dài 399,74m; hướng Tây giáp đất ông Trịnh Minh C quản lý, sử dụng điểm M10M11 dài 399,27m; hướng Nam giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng điểm M10M7 dài 16,76m; hướng Bắc giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng điểm

M11M6 dài 16,80m.

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Hoàng M với bà Trịnh Ánh X đối với phần đất diện tích 3.077,0m<sup>2</sup> thuộc thửa 165, tờ bản đồ số 21 tọa lạc ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau có tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị N quản lý, sử dụng điểm M2M4 dài 90,03m; hướng Tây giáp đất ông Trịnh Minh C quản lý, sử dụng điểm M12M1 dài 91,10m; hướng Nam giáp đất ông Trịnh Hoàng M quản lý, sử dụng điểm M12M3 dài 33,84m; hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh T điểm M1M2 dài 34,10m.

*(có sơ đồ đo đạc kèm theo)*

Các đương sự liên hệ cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai để làm tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Trịnh Hoàng M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trịnh Minh C phải chịu 32.568.480đ, ông C đã nộp tạm ứng án phí 10.860.000đ tại biên lai thu số 0010937 ngày 31/7/2020, biên lai thu số 0011047 ngày 29/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ ông C còn phải nộp số tiền 21.708.480đ. Ông Trịnh Hoàng M phải chịu 13.410.000đ, ông M đã nộp tạm ứng án phí 7.776.000đ tại biên lai thu số 0011138 ngày 10/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ ông M còn phải nộp số tiền 5.634.000đ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trịnh Minh C phải chịu 14.000.000đ, đã nộp tạm ứng 3.000.000đ còn phải nộp số tiền 11.000.000. Ông Trịnh Hoàng M phải chịu 7.000.000đ, đã nộp tạm ứng 18.000.000đ được nhận lại 11.000.000đ từ ông C.

Buộc ông Trịnh Minh C phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Hoàng M số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 11.000.000đ. Nếu người phải thi hành án chậm thi hành đối với khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**